TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/KDTM-PT
Ngày 18 tháng 3 năm 2026
"V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2026 và ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 28/2025/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 107/2024/KDTM-ST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 309/2026/QĐPT-KDTM ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn May Thời trang G**;

Địa chỉ trụ sở: Tầng trệt, Block B tòa Topaz Garden, số 4 Đường Trịnh Đình Thảo, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh);

Địa chỉ liên hệ: 245 Đường Thống Nhất, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2022):

- Ông Phan Tấn T, sinh năm 1960 – Có mặt;

- Ông Ngô Thanh H, sinh năm 1971 – Có mặt;

2. *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I** (Nay là **Công ty Cổ phần Tập đoàn L**)**;**

Địa chỉ trụ sở Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I: 52-54-56 đường Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường Tân Sơn Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh);

Địa chỉ trụ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn L: Tầng 12 Tháp 2, Toà nhà Saigon Centre, 92-94 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2024): Bà Huỳnh Thị Kim T[1], sinh năm 1997 – Có mặt.

Địa chỉ: Số 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty **MKE** – Vắng mặt;

Địa chỉ: 3429 FRAZIER STREET BALDWIN PARK, CA 91706, USA;

4. Người kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn May thời trang G;

4.2. Bị đơn Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I (Nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn L);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của đại diện Nguyên đơn:

Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I (Sau đây viết tắt là Công ty I/Bị đơn) có cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không từ Việt Nam đi Mỹ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn May Thời Trang G (Sau đây viết tắt là Công ty G/Nguyên đơn), cụ thể như sau:

1. Lô hàng thứ nhất:

- Lộ trình: Sân bay Tân Sơn Nhất đến sân bay Los Angeles (SGN – LAX airport)

- Hàng hóa: Quần áo

- Số hóa đơn hàng không: 006-2320 7354

- Số vận đơn: 79396647

- Ngày vận chuyển: 03/7/2019

- Trị giá của lô hàng: 51.858,93 USD

2. Lô hàng thứ hai:

- Lộ trình: Sân bay Tân Sơn Nhất đến sân bay Los Angeles (SGN – LAX airport)

- Hàng hóa: Quần áo

- Số hóa đơn hàng không: 205-8801 1431

- Số vận đơn: 79396646

- Ngày vận chuyển: 08/7/2019

- Trị giá của lô hàng: 59.767,28 USD

Tổng cộng giá trị 2 lô hàng là: 51.858,93 USD + 59.767,28 USD = 111.626,21 USD (*một trăm mười một ngàn sáu trăm hai mươi sáu đô la mỹ hai mươi mốt cent).*

Số hàng trên đã được vận chuyển đến Los Angeles – USA, tuy nhiên Bị đơn đã không cung cấp chứng từ để Nguyên đơn nhận hàng theo thỏa thuận, dù Nguyên đơn không hề có bất cứ vi phạm gì trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc với Bị đơn để cùng giải quyết nhưng không có kết quả, với lý do: Bị đơn giữ hàng của Nguyên đơn để buộc một công ty khác (không có liên quan với Nguyên đơn) phải gặp làm việc để giải quyết công nợ của một đối tác của Bị đơn. Nguyên đơn cũng đã gửi thông báo khiếu nại và yêu cầu Bị đơn tiếp tục thực hiện thỏa thuận là phải cung cấp chứng từ nhận hàng và tạo điều kiện thuận lợi để Nguyên đơn nhận được hàng để giao cho người mua, nhưng Bị đơn không có thiện chí giải quyết. Hành vi sai trái nêu trên của Bị đơn đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nguyên đơn. Cụ thể: Do hành vi sai trái của Bị đơn đã khiến Công ty MKE là người đặt hàng cho Nguyên đơn may gia công đã buộc Nguyên đơn phải bồi thường số tiền là 516.819 USD, thành tiền Việt Nam là: 516.819 USD x 23.100 đồng/USD = 18.868.518.900 đồng. Lý do: Đây là số tiền mà Công ty MKE bị đối tác là Công ty G hủy đơn hàng, từ chối nhận hàng và yêu cầu bồi thường.

Do đó Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho Nguyên đơn số tiền là 18.868.518.900 đồng.

Ngày 05/12/2022, Nguyên đơn có Đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, với yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc Bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho Nguyên đơn số tiền là 11.938.518.900 đồng, lý do sửa đổi là có nhầm lẫn khi quy đổi số tiền từ Đô la Mỹ sang tiền đồng Việt Nam.

Ngày 01/8/2023, Nguyên đơn có Đơn sửa đổi bổ sung, với yêu cầu khởi kiện như sau:

- Buộc Bị đơn bồi thường thiệt hại đối với hai lô hàng theo Vận đơn ITL79396647, giá của lô hàng là 51.858,93 USD; Vận đơn ITL79396646, giá của lô hàng là 59.767,28 USD. Tổng cộng giá trị 2 lô hàng là: 51.858,93 USD + 59.767,28 USD = 111.626,21 USD. Thành tiền Việt Nam: 111.626,21 USD x 23.100 đồng/USD = 2.578.565.451 đồng.

- Tiền vận chuyển bằng đường hàng không hai lô hàng: 356.240.731 đồng

- Bồi thường 10% giá trị tiền mà Công ty MKE buộc Nguyên đơn phải bồi thường theo giá FOB là: 11.938.518.900 đồng x 10% = 1.193.851.890 đồng

- Tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 01/8/2019 đến ngày 01/8/2023 với lãi suất 10%/năm trên các khoản tiền: (2.578.565.451 đồng + 356.240.731 đồng +1.193.851.890 đồng) x 10%/năm x 4 năm = 1.174.400.013 đồng.

Tổng số tiền Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn bồi thường: 2.578.565.451 đồng + 356.240.731 đồng + 1.193.851.890 đồng + 1.174.400.013 đồng = 5.303.058.085 đồng.

Nguyên đơn không đồng ý yêu cầu phản tố của Bị đơn do dịch vụ Nguyên đơn yêu cầu mà Bị đơn không thực hiện được.

Đại diện Bị đơn trình bày:

Công ty I là đơn vị chuyên cung cấp dịch vụ giao nhận vận chuyển nội địa và quốc tế. Từ tháng 4/2019 Nguyên đơn đã sử dụng dịch vụ giao nhận vận chuyển quốc tế của Bị đơn. Trong suốt quá trình thực hiện dịch vụ các bên không có ký hợp đồng dịch vụ, mà yêu cầu dịch vụ được thực hiện theo từng lô hàng và hai bên xác nhận giao kết dịch vụ theo từng vận đơn của các lô hàng và bằng thư điện tử (email), theo thông lệ và quy định của pháp luật, mỗi vận đơn được xem là một thỏa thuận dịch vụ vận chuyển hợp lệ.

Khi Nguyên đơn có nhu cầu sử dụng dịch vụ sẽ gửi email thông báo cho Bị đơn và cung cấp thông tin chính xác, các tài liệu liên quan đến lô hàng như: Khối lượng hàng hóa, quy cách đóng hàng, tuyến đường yêu cầu vận chuyển, thời gian vận chuyển, bộ chứng từ nhận hàng, hóa đơn thương mại (hóa đơn do Nguyên đơn xuất cho bên nhận hàng làm chứng từ nhận hàng). Căn cứ nhu cầu của Nguyên đơn, phía Bị đơn sẽ xác nhận khả năng cung ứng dịch vụ bao gồm: Tuyến đường vận chuyển, khối lượng thể tích hàng hóa vận chuyển, đơn giá cước vận chuyển, thời gian nhận hàng, thời gian chuyển hàng và thời gian giao hàng. Nguyên đơn xác nhận thông tin đặt chỗ cho từng lô hàng theo xác nhận khả năng cung ứng dịch vụ của Bị đơn. Bị đơn nhận hàng của Nguyên đơn từ sân bay và phát hành cho Nguyên đơn vận đơn đối với từng lô hàng đã được xác nhận. Phí dịch vụ được

các bên thỏa thuận thanh toán trước khi hàng được vận chuyển lên máy bay và được ghi nhận tại các vận đơn.

Tháng 7/2019 Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn cung cấp dịch vụ vận chuyển các lô hàng quần áo như sau:

- Lô hàng có số vận đơn ITL 79396647:

+ Lộ trình: Sân bay Tân Sơn Nhất đến sân bay Los Angeles (SGN-LAX)

+ Ngày khởi hành: 03/7/2019

+ Ngày hàng đến: 09/7/2019

+ Số vận đơn chủ hàng không: 006-2320 7354

+ Khối lượng hàng hóa vận chuyển: 2.590 kg

+ Trị giá trị của lô hàng: 9.135,18 USD

+ Cước phí vận chuyển: 166.082.455 đồng

+ Thời điểm thanh toán trước khi hàng được vận chuyển lên máy bay.

- Lô hàng có số vận đơn ITL 79396646:

+ Lộ trình: Sân bay Tân Sơn Nhất đến sân bay Los Angeles (SGN-LAX)

+ Ngày khởi hành: 08/7/2019

+ Ngày hàng đến: 15/7/2019

+ Số vận đơn chủ hàng không: 205-8801 1431

+ Khối lượng hàng hóa vận chuyển: 2.968 kg

+ Trị giá trị của lô hàng: 10.305,72 USD

+ Cước phí vận chuyển: 190.158.276 đồng

+ Thời điểm thanh toán trước khi hàng được vận chuyển lên máy bay.

Ngày 09/7/2019 Nguyên đơn thông báo qua email cho Bị đơn về việc lô hàng đã đến Los Angeles, nhưng Công ty G (đơn vị nhận hàng do Nguyên đơn chỉ định trên vận đơn) không nhận được hàng. Sau khi Bị đơn kiểm tra thì được biết lý do Công ty G không được nhận hàng là do Công ty K (là đại lý nhận hàng và giao hàng tại cảng đến) giữ hàng lại để yêu cầu Công ty G thanh toán công nợ khoảng 70.000 USD trong một giao dịch khác.

Ngày 10/7/2019, Bị đơn có đề nghị Nguyên đơn làm việc với Công ty G và Công ty K để giải quyết vướng mắc.

Mặc dù Bị đơn liên tục liên hệ và thuyết phục K cho Công ty G mang hàng đi nhưng Công ty K phản hồi rằng Công ty K đã hoàn thành trách nhiệm giao hàng. Việc không cho Công ty G mang hàng ra khỏi cảng là vấn đề riêng giữa

Công ty K và Công ty G, Bị đơn không thể can thiệp. Sau đó, Nguyên đơn đã yêu cầu Bị đơn sửa chứng từ - đổi người nhận hàng khác là Công ty A; Địa chỉ tại 1E Lincoln Ave, Valley Stream NY 11580, Mỹ; điện thoại: 718 276 3000 (máy nhánh: 146); email: c.spoto@albawheelsup.com, để thay thế Công ty G nhận hàng từ Công ty K. Bị đơn đã liên hệ với các đơn vị liên quan và nộp các giấy tờ cần thiết để thực hiện yêu cầu của Nguyên đơn. Tuy nhiên, vì cả hai lô hàng đều đã được Công ty K hoàn thành thủ tục khai báo hải quan nên không thể thay đổi thông tin theo yêu cầu của Nguyên đơn được nữa.

Ngày 23/7/2019, Công ty K gửi email cho Bị đơn thông báo "Người nhận hàng đã nhận hàng đầy đủ" để tuyên bố Công ty K đã hoàn thành trách nhiệm của Đơn vị làm hàng. Đồng thời, trong quá trình làm việc, Công ty K đã khẳng định với Bị đơn rằng: *K đã thực hiện đúng vai trò của đơn vị làm hàng được chỉ định theo hai vận đơn, trên cơ sở K đã thực hiện thủ tục thông quan và G đã đến nhận hàng tại Cảng đến. Việc K không cho G mang hàng đi như đã thông báo là việc riêng của K và G và được thực hiện trên cơ sở pháp luật của Mỹ. Khi nào G thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì G có thể mang hàng đi.*

Qua nhiều lần trao đổi giữa các bên, Bị đơn đã giải thích cho Nguyên đơn về việc Công ty K giữ quan điểm không cho mang hàng đi là phù hợp pháp luật Mỹ. Do vậy, Bị đơn cũng đã đề nghị Nguyên đơn cùng Công ty G liên hệ trực tiếp với Công ty K để giải quyết vấn đề công nợ và giải phóng hai lô hàng ITL79396646 và ITL79396647 đang bị Công ty K cầm giữ. Bên cạnh đó, Bị đơn cũng đã khuyến cáo với Nguyên đơn về việc chi phí kho bãi và xử lý đối với hai lô hàng cũng sẽ phát sinh nếu tranh chấp kéo dài. Tuy nhiên, Nguyên đơn đã không thực hiện các kiến nghị của Bị đơn đề xuất mà đã khởi kiện tranh chấp tại Tòa án.

Xét thấy hai lô hàng đã đến Cảng Los Angeles, hoàn thành thủ tục thông quan và đã được thông báo cho Người nhận hàng theo đúng chỉ định của Nguyên đơn. Việc Công ty G chưa mang được hàng ra khỏi nơi giao hàng là xuất phát từ việc giải quyết tranh chấp riêng giữa Công ty K và Công ty G để xử lý công nợ giữa hai bên. Do vậy, Bị đơn không có trách nhiệm giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, trên tinh thần hỗ trợ khách hàng, Bị đơn vẫn tiếp tục làm việc cùng Nguyên đơn để yêu cầu Công ty K cho Công ty G mang hàng đi nhưng đến nay, Công ty K vẫn chưa đồng ý.

Bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

+ Thứ nhất, Nguyên đơn đã cung cấp thông tin sai sự thật về trị giá của hai lô hàng.

Theo các chứng từ kèm theo các email ngày 09/7/2019 và 15/7/2019 được Nguyên đơn gửi cho Bị đơn để thực hiện thủ tục khai báo hải quan chuyển hàng

đi và lập bộ chứng từ, hai đơn hàng ITL79396647 và ITL79396646 xuất cho Công ty Lynn Group Inc lần lượt chỉ có trị giá là 9.135,18 USD và 10.305,72 USD. Trong khi đó, trị giá lô hàng mà Nguyên đơn cung cấp tại Tòa án cho hai đơn hàng ITL79396647 và ITL79396646 xuất cho MKE lần lượt là 51.858,93 USD và 59.767,28 USD. Điều này có nghĩa rằng giá trị của hai lô hàng mà Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đã được kê khai lên gấp nhiều lần so với các chứng từ mà Nguyên đơn đã cung cấp cho Bị đơn đối với hai lô hàng này và khác chủ thể mua hàng. Thông tin này cho thấy Nguyên đơn đã có những vi phạm nghiêm trọng như sau: Nguyên đơn đã thực hiện hành vi gian dối trong kinh doanh thương mại, khai giá trị hàng hóa thấp hơn mức giá trị thật để nhập khẩu hàng hóa vào Mỹ. Tại Mỹ, hành vi này có thể cấu thành tội gian lận thương mại. Điều này có thể khiến Công ty G và Công ty MKE bị điều trần, khiến cho các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng đến Mỹ chịu ảnh hưởng chung khi hành vi gian lận bị phát hiện và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận chuyển Việt Nam nói chung và Bị đơn nói riêng. Nguyên đơn đang cung cấp một thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, có thể khiến Tòa án giải quyết vụ án không đúng, gây lãng phí cho xã hội, gây gánh nặng cho ngành tư pháp. Hành vi này cần phải bị xem xét truy cứu xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 495 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn khẳng định rằng Bị đơn chỉ biết đến giá trị lô hàng và Công ty G là người mua hàng theo thông tin trên hóa đơn thương mại mà Nguyên đơn đã cung cấp cho Bị đơn để thực hiện dịch vụ vận chuyển. Bị đơn không biết đến giao dịch giữa Nguyên đơn và Công ty MKE.

+ Thứ hai, yêu cầu bồi thường thiệt hại của Nguyên đơn là hoàn toàn vô lý, không có cơ sở chấp nhận.

Theo yêu cầu khởi kiện, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn bồi thường thiệt hại với số tiền là 516.819 USD x 23.100 đồng/USD = 18.868.518.900 đồng. Tuy nhiên, Bị đơn cho rằng yêu cầu này của Nguyên đơn là hoàn toàn không có cơ sở chấp nhận vì các lý do sau:

Bị đơn đã thực hiện đúng thỏa thuận trong việc vận chuyển hai lô hàng được nêu trong hai vận đơn. Cụ thể: Bị đơn đã thực hiện việc vận chuyển hàng hoá đến cảng Los Angeles (Mỹ) cho lô hàng có số vận đơn ITL79396647 vào ngày 09/7/2019 và lô hàng có số vận đơn ITL79396646 vào ngày 15/7/2019. Thông tin này cũng được Nguyên đơn xác nhận trong Đơn khởi kiện ở trang 1: *"Lộ trình: Sân bay Tân Sơn Nhất đến sân bay Los Angeles (SGN-LAX airport)"* và ở trang 2 Đơn khởi kiện, Nguyên đơn đã khẳng định *"Số hàng trên đã được vận chuyển đến Los Angeles - USA"*.

Sau khi hàng đến sân bay Los Angeles, Công ty K là Đơn vị làm hàng được chỉ định theo các Vận đơn đã thực hiện thủ tục thông quan đối với hai lô hàng và

sau đó Công ty G đã có đến cảng gặp Công ty K liên hệ nhận hàng. Trách nhiệm của Bị đơn đã hoàn thành khi Công ty G đến cảng Los Angeles gặp Công ty K để nhận hàng. Ngày 23/7/2019, Công ty K gửi email cho Bị đơn thông báo "*Người nhận hàng đã nhận hàng đầy đủ*" để tuyên bố Công ty K đã hoàn thành trách nhiệm giao hàng.

Như vậy, trên cơ sở phân tích nêu trên, Bị đơn đã hoàn thành trách nhiệm của Đơn vị vận chuyển như đã thỏa thuận và được ghi nhận trên các vận đơn. Do vậy, việc Nguyên đơn nại ra lý do rằng Bị đơn có trách nhiệm đối với việc Công ty K không cho Công ty G nhận hai lô hàng ITL79396646 và ITL793966 nên đã trì hoãn nghĩa vụ thanh toán tiền cước dịch vụ vận chuyển đối với hai lô hàng này cho Bị đơn với tổng giá trị là 356.240.731 đồng là không có cơ sở.

Khi phát sinh vấn đề tranh chấp giữa Công ty K và Công ty G dẫn đến việc Công ty G không nhận được hàng hóa như đã trình bày, Bị đơn đã nỗ lực hết sức trong việc hỗ trợ Nguyên đơn và các bên giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, Bị đơn không có khả năng can thiệp vào quyết định của Công ty K, khi mà Công ty K đang thực thi quyền của mình theo quy định pháp luật của nước Mỹ.

Điều 303 Luật Thương mại năm 2005 quy định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại bao gồm: Hành vi vi phạm hợp đồng, có thiệt hại thực tế và hành vi vi phạm hợp đồng là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại. Trên thực tế, Bị đơn đã hoàn thành nghĩa vụ vận chuyển hàng hoá theo thoả thuận của hai bên, Bị đơn không có bất kỳ hành vi vi phạm hợp đồng nào dẫn đến thiệt hại của Nguyên đơn như đã nêu trong Đơn khởi kiện. Do đó, Nguyên đơn không có cơ sở yêu cầu Bị đơn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại với số tiền là 18.868.518.900 đồng.

Bên cạnh đó, Công ty K cũng là đơn vị mà Công ty G có quen biết từ trước và được tiến cử để cung cấp dịch vụ làm hàng cho Nguyên đơn. Do đó, tranh chấp giữa Công ty G và Công ty K là những trở ngại khách quan mà Bị đơn không thể lường trước được.

Từ những phân tích nêu trên, Bị đơn khẳng định không vi phạm hợp đồng vận chuyển nên Bị đơn không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo yêu cầu bồi thường thiệt hại của Nguyên đơn. Kính đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Ngày 07/5/2022, Bị đơn có Đơn yêu cầu phản tố với nội dung như sau:

Tháng 7/2019 Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn cung cấp dịch vụ vận chuyển các lô hàng quần áo có số vận đơn ITL79396647 và vận đơn ITL79396646 chi tiết vận đơn như đã trình bày.

Tổng cước phí vận chuyển phát sinh đối với 2 lô hàng nêu trên là 356.240.731 đồng. Thời điểm thanh toán được các bên thỏa thuận và ghi nhận

trên các vận đơn là trước khi hàng được vận chuyển lên máy bay. Căn cứ theo thời gian khởi hành các lô hàng như được nêu trên, hạn cuối thanh toán của lô hàng ITL79396647 là ngày 02/7/2019 và hạn cuối thanh toán của lô hàng ITL79396646 là ngày 07/7/2019. Bị đơn cũng đã hoàn thành trách nhiệm giao hàng đến cảng theo đúng thoả thuận. Tuy nhiên, tính đến thời điểm này khoản nợ phải thanh toán đã quá hạn 38 tháng mà Nguyên đơn vẫn chưa thanh toán cho Bị đơn đối với hai lô hàng nêu trên. Mặc dù Bị đơn đã nhiều lần thông báo yêu cầu Nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán qua email và gửi công văn đề nghị thanh toán công nợ vào ngày 31/7/2019, ngày 20/8/2019 nhưng đến nay, Nguyên đơn vẫn trì hoãn việc thực hiện vì Nguyên đơn cho rằng Bị đơn có trách nhiệm trong việc giải quyết tranh chấp giữa Người nhận hàng Công ty G và Đơn vị làm hàng là Công ty K.

Hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Nguyên đơn đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn, vì vậy, Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây đối với Bị đơn:

1. Thanh toán toàn bộ tiền nợ cước dịch vụ vận chuyển đối với lô hàng ITL79396646 là 190.158.276 đồng và ITL79396647 là 166.082.455 đồng. Tổng cộng: 356.240.731 đồng.

2. Thanh toán tiền lãi chậm trả đối với tiền nợ cước dịch vụ vận chuyển đối với hai lô hàng ITL79396647 và ITL79396646 theo lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả được tính từ ngày quá hạn thanh toán đến ngày Nguyên đơn thanh toán đầy đủ công nợ đối với Bị đơn. Lãi chậm trả tạm tính đến ngày nộp đơn phản tố (07/5/2022) như sau:

Lô hàng ITL79396647, ngày vận chuyển 03/7/2019, hạn cuối cùng thanh toán 02/7/2019, thời hạn chậm trả 38 tháng, số tiền lãi là 52.592.777 đồng.

Lô hàng ITL79396646 ngày vận chuyển 08/7/2019, hạn cuối cùng thanh toán 07/7/2019, thời hạn chậm trả 38 tháng, số tiền lãi là 60.216.787 đồng.

Tổng số tiền lãi chậm trả là 112.809.564 đồng.

Tổng cộng số tiền mà Nguyên đơn phải thanh toán cho Bị đơn tạm tính đến ngày nộp đơn phản tố là 469.050.295 đồng. Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn phải thanh toán một lần và toàn bộ các nghĩa vụ nêu trên ngay khi có bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 107/2024/KDTM-ST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3, Điều 30, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Khoản 3 Điều 38, Điều 147, Điều 217, điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015; Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 11, Điều 12, Điều 78, Điều 79, Điều 82, Điều 80, Luật Thương mại 2005; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH May Thời trang G về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I bồi thường số tiền là 516.819 USD tương đương tiền đồng Việt Nam là 11.938.518.900 đồng và số tiền vận chuyển bằng đường hàng không hai lô hàng với số tiền là 356.240.731 đồng.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I về việc yêu cầu Công ty TNHH May Thời trang G thanh toán tiền nợ cước dịch vụ vận chuyển đối với hai lô hàng là 356.240.731 đồng (lô hàng ITL79396646 là 190.158.276 đồng và ITL79396647 là 166.082.455 đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là 112.809.564 đồng; Tổng cộng là 469.050.295 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH May Thời trang G về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I bồi thường thiệt hại theo hai vận đơn ITL79396646 và ITL79396647 với tổng số tiền là 5.595.752.389 đồng (Bao gồm: Bồi thường thiệt hại đối với hai lô hàng là 2.578.565.451 đồng; Bồi thường 10% giá trị tiền mà Công ty MKE buộc Nguyên đơn phải bồi thường theo giá FOB là 1.193.851.890 đồng; Tiền lãi chậm trả là 1.823.335.048 đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí uỷ thác tư pháp; về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và dành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Ngày 25/6/2024, Nguyên đơn có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn;

Ngày 22/7/2024, Bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu buộc Nguyên đơn thanh toán cho Bị đơn tiền nợ cước vận chuyển đối với hai lô hàng là 356.240.731 đồng (lô hàng ITL79396646 là 190.158.276 đồng và ITL79396647 là 166.082.455 đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 22/7/2024 là 178.120.366 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn, Công ty G rút một phần kháng cáo về yêu cầu Công ty I bồi thường tiền phạt vi phạm 10% từ đối tác Công ty MKE và tiền lãi chậm thanh toán 1.823.335.048 đồng. Chỉ kháng cáo duy nhất yêu cầu Công ty I phải bồi thường cho Công ty G giá trị thực tế của hai lô hàng bị mất là 2.578.565.451 đồng. Công ty I có gửi cho Công ty G Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ Logistics không ngày không tháng năm 2018 bằng email nên

Công ty G in ra, ký tên vào và chuyển hợp đồng lại cho Công ty I, nhưng Công ty I không ký tên. Tuy nhiên, Công ty I vẫn cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế cho Công ty G thành công được 05 lần, đến 02 lô hàng cuối thì phát sinh tranh chấp. Khách hàng của Công ty G là Công ty MKE, còn Công ty G là đơn vị được Công ty MKE chỉ định nhận hàng, Công ty G không biết và không có quan hệ gì với Công ty K nên việc Công ty K giữ lại hàng, không cho Công ty G nhận hàng nên Công ty I vẫn chưa hoàn thành việc giao hàng hóa cho người nhận, dẫn đến việc Công ty G phải bồi thường cho khách hàng của Công ty G là Công ty MKE, nên Công ty I phải bồi thường tiền hàng bị mất cho Công ty G theo giá trị đã ghi tại hai Tờ khai hải quan.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn, Công ty I rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và không đồng ý đối với kháng cáo của Công ty G về việc yêu cầu Công ty I bồi thường giá trị thực tế của hai lô hàng bị mất là 2.578.565.451 đồng. Bị đơn không biết Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ Logistics không ngày không tháng năm 2018 mà Công ty G xuất trình và trên hợp đồng này cũng không có đại diện Công ty I ký tên. Giữa hai công ty không có ký hợp đồng vận chuyển, mà chỉ thực hiện theo Vận đơn của từng lô hàng. Trừ 02 lô hàng cuối có phát sinh tranh chấp, thì trước đó Công ty I đã thực hiện thành công dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế cho Công ty G được 05 lần và cả 05 lần đều bằng hình thức Vận đơn và trong tất cả các Vận đơn cũng đều chỉ định người làm hàng là Công ty K. Trong Vận đơn của 02 lô hàng có tranh chấp cũng chỉ định người làm hàng là Công ty K, chứng tỏ Công ty G cũng đồng ý chỉ định Công ty K là người làm hàng và Công ty K cũng đã xác nhận người nhận hàng đã nhận đủ hàng, nên việc vận chuyển hàng hóa của Công ty I đã hoàn thành. Việc Công ty K giữ lại hàng không cho Công ty G mang hàng ra khỏi cảng đến là tranh chấp giữa Công ty K với Công ty G (là đơn vị được Công ty MKE chỉ định nhận hàng) không thuộc trách nhiệm của Công ty I.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đơn kháng cáo đều hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của Nguyên đơn và chấp nhận việc rút toàn bộ kháng cáo của Bị đơn, bác kháng cáo giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với phần còn kháng cáo của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục uỷ thác tư pháp và đã xét xử vắng mặt Công ty MKE theo đúng quy định tại điểm c khoản

5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời đã có Công văn số 356/TTTPDS-TA30 ngày 05/5/2025 uỷ thác tư pháp tống đạt Bản án sơ thẩm cho Công ty MKE và Bộ Tư pháp đã có Công văn số 3253/BTP-PLQT ngày 15/9/2025 xác định không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thời hạn kháng cáo của Công ty MKE đã hết.

[2] Bị đơn vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm, được tống đạt Bản án sơ thẩm vào ngày 11/7/2024 thì Bị đơn có đơn kháng cáo ngày 22/7/2024 là đảm bảo thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Đơn kháng cáo của Nguyên đơn và đơn kháng cáo của Bị đơn đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn rút một phần kháng cáo nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn bồi thường tiền phạt vi phạm 10% từ đối tác Công ty MKE và tiền lãi chậm thanh toán 1.823.335.048 đồng.

[4] Người đại diện hợp pháp của Bị đơn rút toàn bộ kháng cáo nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc Bị đơn yêu cầu buộc Nguyên đơn thanh toán cho Bị đơn tiền nợ cước vận chuyển đối với hai lô hàng là 356.240.731 đồng (lô hàng ITL79396646 là 190.158.276 đồng và ITL79396647 là 166.082.455 đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 22/7/2024 là 178.120.366 đồng.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn xuất trình Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ Logistics không ngày không tháng năm 2018 có đại diện Công ty G ký tên đóng dấu, nhưng không có chữ ký và đóng dấu của Công ty I. Người đại diện hợp pháp của Bị đơn không thừa nhận hợp đồng trên, nên không có căn cứ để xác định giữa Nguyên đơn với Bị đơn có ký hợp đồng vận chuyển và do đó, không có cơ sở để căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ Logistics không ngày không tháng năm 2018 do Nguyên đơn xuất trình để giải quyết.

Tại Khoản 2 Điều 531 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hình thức của hợp đồng vận chuyển tài sản như sau: *"Vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển tương đương khác là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng giữa các bên."*

Công ty I nhiều lần cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế cho Công ty G nhưng đều không có ký hợp đồng vận chuyển, mà dịch vụ vận chuyển chỉ được thực hiện theo từng lô hàng và hai bên xác nhận giao kết dịch vụ theo từng vận đơn của các lô hàng và bằng thư điện tử (email); Do đó, vận đơn là bằng

chứng của việc giao kết hợp đồng và căn cứ vào vận đơn để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên.

[6] Công ty I đã cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế cho Công ty G thành công 05 lần. Đến 02 vận đơn cuối thì phát sinh tranh chấp như sau:

Công ty I cung cấp dịch vụ vận chuyển lô hàng quần áo của Công ty G bằng đường hàng không từ sân bay Tân Sơn Nhất Việt Nam đến sân bay Los Angeles Hoa Kỳ hai lô hàng như sau:

- Lô hàng thứ 1 có số Vận đơn ITL 79396647 (bút lục 233, 234, 237-240):

+ Khối lượng hàng hóa vận chuyển: 2.590 kg. Theo Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan) thì trị giá của lô hàng là 51.858,93 USD;

+ Bên làm hàng là Công ty K

+ Bên nhận hàng là Công ty G

+ Ngày khởi hành: 03/7/2019; Ngày hàng đến: 09/7/2019

+ Cước phí vận chuyển: 166.082.455 đồng

- Lô hàng thứ 2 có số Vận đơn ITL 79396646 (bút lục 235, 236, 241-244):

+ Khối lượng hàng hóa vận chuyển: 2.968 kg. Theo Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan) thì trị giá của lô hàng là 59.767,28 USD;

+ Bên làm hàng là Công ty K

+ Bên nhận hàng là Công ty A

+ Ngày khởi hành: 08/7/2019; Ngày hàng đến: 15/7/2019

+ Cước phí vận chuyển: 190.158.276 đồng

Tổng cộng giá trị 02 lô hàng là: 51.858,93 USD + 59.767,28 USD = 111.626,21 USD. Thành tiền đồng Việt Nam theo tính toán của Nguyên đơn: 111.626,21 USD x 23.100 đồng/USD = 2.578.565.451 đồng.

Công ty G trình bày người mua hai lô hàng trên là Công ty MKE, còn Công ty G và Công ty A là đơn vị do Công ty MKE chỉ định nhận hàng.

Cả hai vận đơn trên đều chỉ định Công ty K làm đại lý nhận hàng, Công ty G nhận được Vận đơn nhưng không có ý kiến gì mà mặc nhiên thừa nhận việc trong Vận đơn chỉ định Công ty K làm đại lý nhận hàng;

Khi hai lô hàng nêu trên đến Los Angeles-USA thì Công ty K đã hoàn thành việc khai báo hải quan cho hai lô hàng này tại Hoa Kỳ. Ngày 09/7/2019, Nguyên đơn cũng đã thừa nhận thông báo qua email cho Bị đơn và trong đơn khởi kiện, Nguyên đơn cũng đã xác nhận về việc số hàng trên đã được Bị đơn vận chuyển đến Los Angeles - USA. Ngày 23/7/2019 Công ty K đã gởi email cho Bị đơn

thông báo "người nhận hàng đã nhận hàng đầy đủ". Như vậy, lô hàng có số vận đơn ITL79396647 đã được vận chuyển đến Los Angeles - USA ngày 09/7/2019 và lô hàng có số vận đơn ITL79396646 đã được vận chuyển đến Los Angeles - USA ngày 15/7/2019 và đại lý nhận hàng theo chỉ định trong hai vận đơn là Công ty K xác nhận người nhận hàng đã nhận đủ hàng, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 534 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Công ty I đã giao hàng hóa cho người có quyền nhận nhận đủ hàng, là đã hoàn thành nghĩa vụ của người vận chuyển.

Việc Công ty K ngăn cản không cho Công ty G mang hàng ra khỏi cảng và yêu cầu Công ty G thanh toán công nợ thì mới cho mang hàng đi là việc tranh chấp riêng giữa Công ty K với Công ty G và Công ty A (là các đơn vị do Công ty MKE chỉ định nhận hàng từ Công ty K), không liên quan đến đơn vị vận chuyển hàng hoá theo vận đơn là Công ty I.

[7] Mặt khác, Công ty G không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã bị Công ty MKE yêu cầu Công ty G bồi thường tiền hàng, nên cũng không có cơ sở để xác định thiệt hại của Công ty G.

[8] Từ các phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty G, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp;

[9] Do không được chấp nhận kháng cáo nên Công ty G phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Do rút kháng cáo tại phiên tòa nên Công ty I phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty G yêu cầu Công ty I bồi thường số tiền là 516.819 USD tương đương tiền đồng Việt Nam là 11.938.518.900 đồng và số tiền vận chuyển bằng đường hàng không hai lô hàng với số tiền là 356.240.731 đồng; về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; về chi phí tố tụng không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b điểm c khoản 1 Điều 289, Điều 295; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn May thời trang G, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn May thời trang G yêu cầu Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I (Nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn L) bồi thường tiền phạt vi phạm 10% từ đối tác Công ty MKE và tiền lãi chậm thanh toán 1.823.335.048 đồng.

3. Chấp nhận việc rút toàn bộ kháng cáo của Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I (Nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn L), đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I (Nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn L) yêu cầu buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn May thời trang G thanh toán cho Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I (Nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn L tiền nợ cước vận chuyển đối với hai lô hàng là 356.240.731 đồng (lô hàng ITL79396646 là 190.158.276 đồng và ITL79396647 là 166.082.455 đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 22/7/2024 là 178.120.366 đồng.

4. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn May thời trang G; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 107/2024/KDTM-ST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Không chấp nhận khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn May Thời trang G về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I (Nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn L) bồi thường thiệt hại theo hai lô hàng theo hai vận đơn ITL79396646 và ITL79396647 là 2.578.565.451 đồng *(Hai tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm năm mươi mốt đồng);*

5. Công ty Trách nhiệm hữu hạn May Thời trang G phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* theo Biên lai thu tiền số 0005569 ngày 19/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh);

Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển I (Nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn L) phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* theo Biên lai thu tiền số 0041117 ngày 30/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh);

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty G yêu cầu Công ty I bồi thường số tiền là 516.819 USD tương đương tiền đồng Việt Nam là 11.938.518.900 đồng và số tiền vận chuyển bằng đường hàng không hai lô hàng với số tiền là 356.240.731 đồng; về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; về chi phí tố tụng không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát XXPT VKSNDTC tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TPQ (15b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công